



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Số: 01055/2024/PKQ (24.729)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập,
Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn



- Đơn vị quan trắc : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được quan trắc : Công ty TNHH Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên
- Địa chỉ : KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Địa điểm quan trắc : Khu công nghiệp Yên Mỹ II, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Ngày nhận mẫu : 22/06/2024
- Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu	Tọa độ	Ngày quan trắc
1	NT2406.0196	031...NT001/Nước thải tại cửa xả	Nước thải	X=2308222,94 Y=556285,88	22/06/2024

7. Thông tin về kết quả quan trắc: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Thị Hạnh

Trần Thị Phương Hoa

Lý Hồng Quân

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ QUAN TRẮC

(Mã hóa mẫu: NT2406.0196)

031...NT001/Nước thải tại cửa xả

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT	QCDP 02:2019/HY
					Cmax -Cột A	Cmax
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	32	40	40
2	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	17,26	50	50
3	pH	-	TCVN 6492:2011	8,11	6 ÷ 9	6 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	<6	27	30
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	<10	67,5	75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/L	TCVN 6225:2000	12,9	45	50
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (LOD=0,0005)	0,045	0,05
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	0,0045	0,005
9	Chì (Pb)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,09	0,1
10	Cadimi (Cd)	mg/L	TCVN 6665: 2011	KPH (LOD=0,002)	0,045	0,05
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	TCVN 6658:2000	KPH (LOD=0,015)	0,045	0,05
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	TCVN 6658:2000 + SMEWW3111B:2017	KPH (LOD=0,012)	0,18	0,2
13	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	1,8	2
14	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	2,7	3
15	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,18	0,2
16	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,01)	0,45	0,5
17	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (LOD=0,02)	0,9	1

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".

CÔNG
CỔ P
H
ÔNG H
IỆT
HỢI

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)****Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)**

Địa chỉ: Tòa nhà VNST. BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

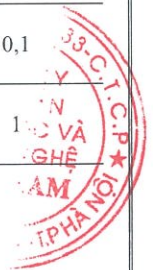
Tel: 024.22463777

Email: vnst@vnst-jsc.vn

Web: vnst-jsc.vn



18	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN-C&E:2017	KPH (LOD=0,003)	0,063	0,07
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,001)	0,09	0,1
20	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	4,5	5
21	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,05)	0,18	0,2
22	Florua (F ⁻).	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,5	4,5	5
23	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD=0,01)	4,5	5
24	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638:2000	7,6	18	20
25	Tổng Phốt pho	mg/L	TCVN 6202:2008	1,98	3,6	4
26	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	102,7	450	500
27	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,35	0,9	1
28	Coliform	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	2	3.000	-
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (LOD=0,005)	0,1	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	<0,15	1	

**Ghi chú:**

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cmax-Cột A: Kf = 1 và Kq = 0,9;
- QCĐP 02:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện trong giới hạn phát hiện của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Giá trị sau dấu "<" là giá trị giới hạn báo cáo của phương pháp (RL).

- Mẫu quan trắc là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện đo đạc, lấy mẫu và phân tích, ngoại trừ các chỉ tiêu VNST sử dụng đơn vị thầu phụ thực hiện (nếu có);
- Kết quả quan trắc trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm lấy mẫu, đo đạc và phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

- Thời gian lưu mẫu quan trắc là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".